Ủy ban nhân dân
huyện Sông Hinh
13.04.2021
15:50:11 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 406 /UBND V/v đôn đốc thực hiện điều tra cơ sở hành chính (lần 2)	*Sông Hinh, ngày 13 tháng 4 năm 2021*

Kính gửi:
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về việc tổ chức điều tra cơ sở hành chính năm 2021; Kế hoạch số 1655/KH-BCĐ ngày 17/9/2020 của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính huyện Sông Hinh năm 2021.

Ban Chỉ đạo tổng điều tra kinh tế và điều tra cơ sở hành chính huyện Sông Hinh đã ban hành Công văn số 281/BCĐ ngày 18/3/2021 về việc triển khai thực hiện điều tra cơ sở hành chính; Công văn số 15/BCĐ ngày 05/4/2021 về việc đôn đốc thực hiện điều tra cơ cở hành chính. Tuy nhiên, tính đến ngày 12/4/2021 (thời hạn của công văn là ngày 10/4/2020) chỉ có 11/38 cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành việc nhập thông tin phục vụ điều tra cơ sở hành chính.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc nhập thông tin phục vụ điều tra cơ sở hành chính, bao gồm: Phòng Nội vụ huyện, Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tư pháp, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Thanh tra huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Viện Kiểm sát, Chi cục Thống kê, UBND xã Ea Bar.

UBND huyện nghiêm túc phê bình đối với các cơ quan, đơn vị chậm tiến độ trong việc nhập thông tin phục vụ điều tra cơ sở hành chính *(Có Danh sách kèm theo).*

Để đảm bảo tiến độ điều tra cơ sở hành chính năm 2021 theo Kế hoạch đã đề ra **(hạn cuối ngày 15/4/2021)**, UBND huyện Sông Hinh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa hoàn thành việc nhập thông tin phục vụ điều tra cơ sở hành chính cử 01 người được đơn vị, địa phương phân công nhập thông tin điều tra cơ sở hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính huyện Sông Hinh năm 2021 trực tiếp hướng dẫn, hoàn thiện phiếu điều tra.

- Thời gian: 14 giờ 00 phút ngày 15/4/2021.

- Địa điểm: Phòng họp số 2, Tầng 3, UBND huyện Sông Hinh.

Lưu ý: Khi đi các cơ quan, đơn vị, địa phương mang theo máy tính xách tay, chuẩn bị đầy đủ các thông tin liên quan theo mẫu phiếu gửi kèm Công văn này để phục vụ việc nhập thông tin và hoàn thiện phiếu điều tra.

Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương theo dõi địa chỉ email của đơn vị đăng ký trên Danh sách nền *(Gửi kèm theo Công văn này)* để cập nhật thông tin kịp thời trạng thái Phiếu điều tra của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Vậy, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng BCĐ TĐT huyện;
- Thành viên BCĐ, Tổ TT TĐT huyện;
- BCĐ TĐT các xã, thị trấn;
- Lưu: BCĐ, PNV.

CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH T. PHÚ YÊN

Đinh Ngọc Dạn

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHƯA HOÀN THÀNH NHẬP THÔNG TIN PHIẾU ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH HUYỆN SÔNG HINH NĂM 2021

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
		Lưu tại cơ sở	Đang kê khai	Chưa kê khai	
I	**Các cơ quan, đơn vị**				
1	Tòa án nhân dân	x			
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch		x		
3	Phòng Văn hóa và Thông tin	x			
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện		x		
5	Bảo hiểm xã hội huyện		x		
6	Phòng Dân tộc	x			
7	Chi cục Thuế		x		
8	Chi cục Thi hành án	x			
9	Huyện ủy		x		
10	Hội Cựu Chiến binh	x			
11	Hội Nông dân	x			
12	Liên đoàn Lao động	x			
13	Huyện đoàn		x		
14	Hội Liên hiệp Phụ nữ		x		
15	UBMTTQ Việt Nam		x		
16	Kho bạc nhà nước Sông Hinh		x		
17	Hạt Kiểm lâm huyện Sông Hinh		x		
II	**UBND các xã, thị trấn**				
1	UBND xã Đức Bình Đông	x			
2	UBND xã Đức Bình Tây	x			

3	UBND xã Ea Bá	x			
4	UBND xã Ea Bia		x		
5	UBND xã Ea Lâm		x		
6	UBND xã Ea Ly		x		
7	UBND xã Ea Trol	x			
8	UBND thị trấn Hai Riêng		x		
9	UBND xã Sông Hinh		x		
10	UBND xã Sơn Giang	x			
	Tổng cộng:	**12**	**15**		

MỘT SỐ LƯU Ý KHI ĐIỀN THÔNG TIN PHIẾU ĐIỀU TRA

- A2. Thông tin về lao động của đơn vị: Đề nghị các đơn vị kiểm tra lại cho đúng (số lượng, trình độ, ngạch…).

- A.2.4. Tinh giản biên chế: Số lượng biên chế được giao thời kỳ 2015-2020; đề nghị phải thống kê tổng số biên chế được giao trong 06 năm từ 2015 đến năm 2020.

Ví dụ: Đơn vị A, năm 2015 được giao 15 biên chế, năm 2016:14 biên chế, năm 2017: 14 biên chế, năm 2018: 13 biên chế, năm 2019: 13 biên chế, năm 2020: 13 biên chế thì số lượng biên chế được giao mục A.2.4= 15+14+14+13+13+13 = 82.

- A.3. Phần tài sản được tính triệu đồng: Các đơn vị hay nhầm dấu "." và dấu ",".

- Đối với tài sản cố định cần xác định: Tài sản cố định = nguyên giá – giá trị hao mòn.

- A4.2. Mã sản phẩm: Mỗi đơn vị điều tra thống nhất chỉ sử dụng một mã sản phẩm. Đối với đơn vị cấp xã, các phòng chuyên môn cấp huyện và cấp huyện chỉ sử dụng 01 (một) mã sản phẩm là: 84112.

- A5.1.3 Tổng số hồ sơ hành chính (hồ sơ thực hiện TTHC) cơ sở đã xử lý trong năm 2020: là tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trong năm; trong đó: Tỷ lệ hồ sơ hành chính được xử lý qua dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4: là bao nhiêu % (thống kê trên hệ thống giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3,4 của đơn vị). Nhiều đơn vị ghi 100% là không đúng.

- A5.1.1 Số lượng thủ tục hành chính (dịch vụ hành chính công) do đơn vị thực hiện, cung cấp: đối với cấp huyện các phòng không kê khai mục này mà chỉ kê khai ở Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện để số liệu được chính xác và đồng nhất.

ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

Phiếu 1/HC-TB Mã số thuế

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NĂM 2020

(Áp dụng cho các đơn vị hành chính)

- Căn cứ QĐ số 1096/QĐ-BNV ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ v/v tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

- Căn cứ QĐ số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Phương án ĐTCSHC năm 2021

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;

- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

A1. THÔNG TIN ĐỊNH DANH

A1.1 Tên đơn vị.....

A1.2 Địa chỉ của đơn vị

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương.....

Huyện/ Quận (Thị xã/TP thuộc tỉnh).....

Xã/ Phường/Thị trấn.....

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):.....

A1.3 Số điện thoại:

A1.4 Email : .....

A1.5 Thông tin về người đứng đầu đơn vị

Họ và tên:..... Năm sinh

Giới tính: **1** Nam **2** Nữ

Dân tộc *(Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là " Nước ngoài"*.....

Quốc tịch *(Nếu có hai quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất)*.....

Trình độ chuyên môn *(Theo bằng/ giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có)*

1 Chưa qua đào tạo	4 Trung cấp	7 Thạc sỹ
2 Đào tạo dưới 3 tháng	5 Cao đẳng	8 Tiến sỹ
3 Sơ cấp	6 Đại học	9 Trình độ khác

A1.6 Loại đơn vị quản lý

1. Cấp Trung ương 2. Cấp tỉnh 3. Cấp huyện 4. Cấp xã

A1.7 Loại hình tổ chức của đơn vị

1 Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội, HĐND các cấp)

2 Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)

3 Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)

4 Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam

5 Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội

A1.8 Thông tin về cấu trúc đơn vị

Ngoài trụ sở chính, đơn vị có các địa điểm khác trực thuộc không?

1 Có

2 Không

A2 THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

A2.1 Lao động có tại thời điểm 01/01/2020 *Người*

A2.2 Lao động có tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị tính: người

	Mã số	Tổng số	*Trong đó:* Lao động thuộc biên chế hành chính
A	B	1	2
A2.2.1. Tổng số	01		
Trong đó: Nữ	02		

A2.2.2 Phân theo loại lao động			
1. Lao động thuộc biên chế hành chính	03		x
Trong đó: Lao động kiêm nhiệm	04		x
2. Lao động hợp đồng *(theo NĐ 68/2000/NĐ- CP)*	05		x
3. Lao động hợp đồng khác	06		x
A2.2.3. Phân theo nhóm tuổi			
1. Từ 16 đến 30 tuổi	07		
2. Từ 31 đến 45 tuổi	08		
3. Từ 46 đến 55 tuổi	09		
4. Từ 56 đến 60 tuổi	10		
5. Trên 60 tuổi	11		
A2.2.4. Phân theo trình độ chuyên môn			
1. Chưa qua đào tạo	12		
2. Đào tạo dưới 3 tháng	13		
3. Sơ cấp	14		
4. Trung cấp	15		
5. Cao đẳng	16		
6. Đại học	17		
7. Thạc sỹ	18		
8. Tiến sỹ	19		
9. Trình độ khác	20		
A2.2.5. Lao động phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp			
1. Chuyên viên cao cấp và tương đương	21		
2. Chuyên viên chính và tương đương	22		
3. Chuyên viên và tương đương	23		
4. Cán sự	24		
5. Nhân viên	25		

A2.3 Lao động trả lương các tháng trong năm 2020

Đơn vị tính: Người

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Tổng số lao động												
Trong đó: Nữ												

A2.4 Tinh giản biên chế

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 01/01/2015
1. Số lượng biên chế thực hiện	**01**		
2. Số lượng biên chế đã tinh giản từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2020	**02**		**x**
Chia ra:			
- Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	03		x
- Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác	04		x
- Dôi dư do chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với VTVL hiện đang đảm nhiệm	05		x
- Do đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ	06		x
- Các trường hợp tinh giản khác	07		x
3. Tỷ lệ tinh giản biên chế (%)	**08**		**x**

A3 THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CỦA ĐƠN VỊ

A3.1 Tài sản đầu kỳ - cuối kỳ

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 01/01/2020
A	B	1	2
Tổng tài sản *Trong đó:*	01		

1. Tài sản cố định	02		
Nguyên giá	03		
Giá trị hao mòn lũy kế	04		
2. Xây dựng cơ bản dở dang	05		

A3.2 **Trong năm 2020, đơn vị có thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ** *(bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình)* ***không?***

1 Có 2 Không → Chuyển câu A3.3

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ trong năm 2020 *(bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình)* [ ] *Triệu đồng*

Trong đó: Đơn vị có tự thực hiện không? 1. Có 2. Không

A3.3 Diện tích đất

Đơn vị tính: m2

	Mã số	Thời điểm 31/12/2020
Tổng diện tích đất	01	
Trong đó: Diện tích đất đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất	02	

A4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

A4.1 Doanh thu, chi phí hoạt động của đơn vị năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Giá trị
A	*B*	*1*
I. Hoạt động hành chính		
1. Doanh thu (01=02+03+04)	**01**	
a. Từ NSNN cấp	02	
b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03	
c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04	
2. Chi phí (05=07+08+09+10)	**05**	
Trong đó: Chi từ nguồn ngân sách nhà nước	06	
Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	07	
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	08	
Chi phí hao mòn TSCĐ	09	
Chi phí hoạt động khác	10	
3. Thặng dư/Thâm hụt (11=01-05)	**11**	
II. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1. Doanh thu	**12**	
2. Chi phí (13=14+16)	**13**	
2.1. Giá vốn hàng bán	14	
Trong đó: Giá vốn hàng bán đối với hoạt động thương mại	15	
2.2. Chi phí quản lý (15=16+17+18+19)	16	
Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	17	
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	18	
Chi phí khấu hao TSCĐ	19	
Chi phí hoạt động khác	20	
3. Thặng dư/ Thâm hụt (21=12-13)	**21**	
III. Hoạt động tài chính		
1. Doanh thu	22	
2. Chi phí	23	
3. Thặng dư/Thâm hụt (24=22-23)	24	
IV. Hoạt động khác		
1. Doanh thu	25	
2. Chi phí	26	
3. Thặng dư/Thâm hụt (27=25-26)	27	

A4.2 **Thông tin về sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của đơn vị trong năm 2020**

(Nếu câu A1.8 trả lời ***Không*** *thì đơn vị sẽ trả lời câu A4.2)*

Mô tả nhóm sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của đơn vị sản xuất ra	Mã sản phẩm (VCPA cấp 5)	Chi phí hoạt động/chi phí sản xuất kinh doanh *(Triệu đồng)*
A	B	1
		Tổng số

Sản phẩm 1		
Sản phẩm 2		
....		....

Ngoài các sản phẩm (vật chất và dịch vụ) nêu trên đơn vị còn các sản phẩm (vật chất và dịch vụ) khác không?

1 Có → Bổ sung vào mục A4.2 *2 Không → Chuyển mục A5*

A5 ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO CỦA ĐƠN VỊ

A5.1 Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của đơn vị

A5.1.1 Số lượng thủ tục hành chính (dịch vụ hành chính công) do đơn vị thực hiện, cung cấp: ☐

A5.1.2 Số lượng dịch vụ hành chính công đơn vị đang cung cấp trực tuyến: ☐

Trong đó:

Số lượng dịch vụ hành chính công đang cung cấp trực tuyến mức độ 4: ☐

Số lượng dịch vụ hành chính công đang cung cấp trực tuyến mức độ 3: ☐

Số lượng dịch vụ hành chính công đang cung cấp trực tuyến mức độ 1 và 2: ☐

A5.1.3 Tổng số hồ sơ hành chính (hồ sơ thực hiện TTHC) đơn vị đã xử lý trong năm 2020:

Trong đó:

Tỷ lệ hồ sơ hành chính được xử lý qua dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4: ☐ %

A5.1.4 Đơn vị có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không? Có ☐ Không ☐

Địa chỉ truy cập: .....

A5.1.5 Trong năm 2020, đơn vị có chi cho sử dụng phần mềm không?

Có ☐ Không ☐ → Chuyển câu A5.1.6

Tổng chi phí cho sử dụng phần mềm ☐ *Triệu đồng*

Trong đó: Chi thuê/mua từ bên ngoài ☐ *Triệu đồng*

A5.1.6 Trong năm 2020, đơn vị sử dụng những phần mềm, dịch vụ internet phục vụ cho hoạt động ?

1. Quản lý nhân sự ☐

2. Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp ☐

Tỷ lệ văn bản trao đổi văn bản điện tử của Đơn vị ☐ %

3. Thư điện tử công vụ (E-mail) ☐

4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi tài liệu điện tử, e-learning ...) ☐

5. Sử dụng dịch vụ trực tuyến, giao dịch với cơ quan, tổ chức khác (Ngân hàng, Thuế, Hải quan...) ☐

6. Tham gia thương mại điện tử để bán hàng hóa/dịch vụ không? ☐

7. Giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường ☐

8. Ứng dụng khác (ghi rõ): .....

A5.2 Trong năm 2020, đơn vị có hoạt động đổi mới sáng tạo nào sau đây?

1. Đơn vị có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) không?

Nếu Có: Đơn vị tự thực hiện ☐ Đơn vị thuê bên ngoài ☐

2. Đổi mới/cải tiến sản phẩm ☐

3. Đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động ☐

4. Đổi mới/cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh ☐

PHẦN B. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM THUỘC ĐƠN VỊ

Đơn vị vui lòng kê khai thông tin về trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc đơn vị

Mã số	Tên địa điểm	Địa chỉ				Tổng số lao động bình quân năm 2020 *(Người)*	Sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của các địa điểm sản xuất ra năm 2020		
		Tỉnh/ thành phố	Huyện /Quận	Xã/ phường	Số nhà, đường, phố		Mô tả nhóm sản phẩm	Mã sản phẩm cấp 5 (VCPA 2018)	Chi phí hoạt động/Chi phí SXKD *(triệu đồng*
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	8
	Trụ sở chính								Tổng số
							Sản phẩm 1		
							.....		
	Địa điểm 1								Tổng số
							Sản phẩm 1		
							.....		

	Địa điểm 2								Tổng số
							Sản phẩm 1		
							.....		

Đơn vị có địa điểm trực thuộc khác chưa được liệt kê ở trên không? 1. Có => Bổ sung địa điểm vào phần B 2.Không

Thông tin người trả lời phiếu

Họ và tên người cung cấp thông tin: .....

Số điện thoại: .....

Email: .....

……, Ngày tháng năm 2021

Người đứng đầu đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH SACH CAC CƠ SƠ HANH CHINH THỰC HIỆN ĐIEU TRA

STT	Họ và tên	Tên đăng nhập	Mật khẩu	Email	Số điện thoại
1	UBND xã Ea Ly	HC54_561_22237_45517	Bnv!#21@11	ealy.songhinh@phuyen.gov.vn	02573622226
2	UBND xã Sông Hinh	HC54_561_22234_45515	Bnv!#21@11	songhinh.songhinh@phuyen.gov.vn	0374465283
3	UBND xã Ea Trol	HC54_561_22231_45513	Bnv!#21@11	eatrol.songhinh@phuyen.gov.vn	02573505030
4	UBND xã Ea Bia	HC54_561_22228_45511	Bnv!#21@11	eabia.songhinh@phuyen.gov.vn	02573505466
5	UBND xã Ea Bar	HC54_561_22225_45509	Bnv!#21@11	eabar.songhinh@phuyen.gov.vn	02573622200
6	UBND xã Đức Bình Đông	HC54_561_22222_45507	Bnv!#21@11	ducbinhdong.songhinh@phuyen.gov.vn	02573505819
7	UBND xã Sơn Giang	HC54_561_22219_45505	Bnv!#21@11	songiang.songhinh@phuyen.gov.vn	02573633393
8	UBND xã Ea Bá	HC54_561_22216_45503	Bnv!#21@11	eaba.songhinh@phuyen.gov.vn	02573505558
9	UBND xã Đức Bình Tây	HC54_561_22213_45501	Bnv!#21@11	ducbinhtay.songhinh@phuyen.gov.vn	02572473134
10	UBND xã Ea Lâm	HC54_561_22210_45499	Bnv!#21@11	ealam.songhinh@phuyen.gov.vn	02573505004
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	HC54_561_45497	Bnv!#21@11	pgdtsonghinh@phuyen.edu.vn	02573858120
12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	HC54_561_45496	Bnv!#21@11	pldtbxh.songhinh@phuyen.gov.vn	02573858158
13	Phòng Văn hóa và Thông tin	HC54_561_45495	Bnv!#21@11	pvhtt.songhinh@phuyen.gov.vn	02573858139
14	Phòng Tài nguyên và Môi trường	HC54_561_45494	Bnv!#21@11	tnmtsonghinh@gmail.com	02573617241
15	Phòng NN và PTNT	HC54_561_45493	Bnv!#21@11	phongnnsonghinh@gmail.com	02573858398
16	Phòng Tài chính - Kế hoạch	HC54_561_45492	Bnv!#21@11	taichinh@gmail.com	02573858695

17	Phòng Tư pháp	HC54_561_45491	Bnv!#21@11	tuphapsonghinh@gmail.com	02573858433
18	Phòng Nội vụ	HC54_561_45490	Bnv!#21@11	pnvhshinh@gmail.com	0914967739
19	Viện Kiểm sát	HC54_561_45489	Bnv!#21@11	vkssonghinh@gmail.com	02573858116
20	Tòa án nhân dân	HC54_561_45488	Bnv!#21@11	songhinh.phuyen@toaan.gov.vn	02573858152
21	Ủy ban nhân dân	HC54_561_45487	Bnv!#21@11	ubndsonghinh@gmail.com	02573859089
22	Hội đồng nhân dân	HC54_561_45486	Bnv!#21@11	vphdndubnd.songhinh@phuyen.gov.vn	02573859357
23	Hạt Kiểm lâm huyện	HC54_561_45485	Bnv!#21@11	hatklshinh_sonn@phuyen.gov.vn	02573585138
24	Kho bạc nhà nước huyện	HC54_561_45484	Bnv!#21@11	kbnnsonghinh@gmail.com	02573858155
25	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	HC54_561_45483	Bnv!#21@11	kinhtehatangsh@gmail.com	02573858156
26	Văn phòng HĐND và UBND huyện	HC54_561_45482	Bnv!#21@11	ubndhsonghinh@gmail.com	02573859039
27	Đội quản lý môi trường và đô thị	HC54_561_45481	Bnv!#21@11	timsonghinh@gmail.com	02573859439
28	UBMTTQ Việt Nam	HC54_561_45480	Bnv!#21@11	uybanmattran@gmail.com	02573617451
29	Hội Liên hiệp Phụ nữ	HC54_561_45479	Bnv!#21@11	phunusonghinh2017@gmail.com	025738584102
30	Huyện đoàn	HC54_561_45478	Bnv!#21@11	tdpy.hdsonghinh@gmail.com	02573858180
31	Liên đoàn Lao động	HC54_561_45477	Bnv!#21@11	congdoansonghinh@gmail.com	02573858195
32	Hội Nông dân	HC54_561_45476	Bnv!#21@11	hoinongdansonghinh@gmail.com	02573858197
33	Hội Cựu Chiến binh	HC54_561_45475	Bnv!#21@11	nguyendoanccb@gmail.com	02573858361
34	Huyện ủy	HC54_561_45474	Bnv!#21@11	huyenuysonghinh@gmail.com	02573858600
35	Chi cục Thi hành án	HC54_561_45473	Bnv!#21@11	songhinh.pyn@moj.gov.vn	02573858125
36	Chi cục Thuế	HC54_561_45472	Bnv!#21@11	hcac_shi.phy@gdt.gov.vn	02573858149

37	Chi cục Thống kê	HC54_561_45471	Bnv!#21@11	chicuctksonghinh@gmail.com	02573858205
38	Phòng Dân tộc	HC54_561_45470	Bnv!#21@11	bqlda134135hsh@gmail.com	02573858105
39	Trung tâm VH-TT và TT-TH huyện	HC54_561_45469	Bnv!#21@11	ttvhtt.songhinh@phuyen.gov.vn	02573858281
40	Bảo hiểm xã hội huyện	HC54_561_45468	Bnv!#21@11	songhinh@phuyen.vss.gov.vn	02573858259
41	Thanh tra huyện	HC54_561_45467	Bnv!#21@11	thanhtrasonghinh@gmail.com	02573858214
42	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện	HC54_561_45466	Bnv!#21@11	bqlctsonghinh@gmail.com	02573858412
43	UBND thị trấn Hai Riêng	HC54_561_22207_45465	Bnv!#21@11	hairieng.songhinh@phuyen.gov.vn	02573505733